| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 11 - NINH BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 173/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03/4/2026
V/v Ly hôn, nuôi con chung giữa anh T, chị H

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH NINH BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Vũ Văn Ái.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi; ông Lưu Văn Đê.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Công Trình – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Ninh Bình*** *tham gia phiên toà*: Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2026/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T. Sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Đoàn Thị H. Sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn G, xã N, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07 tháng 01 năm 2026 và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đoàn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 30/03/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình). Anh T chị H chung sống hạnh phúc với nhau được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Sau khi phát sinh mâu thuẫn anh và chị H sống ly thân một thời gian. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng đã trở lên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 20/06/2010, hiện nay cháu đang ở với chị H. Sau khi ly hôn, anh T để chị H nuôi cháu L. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai nộp tại Toà án bị đơn chị Đoàn Thị H có lời khai phù hợp với lời khai của anh T về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống. Theo chị H nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp nhau . Nay anh T đề nghị giải quyết ly hôn thì chị H cũng đồng ý vì xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung: Chị H nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Mai L sinh ngày 20/06/2010 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Ninh Bình trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập chứng cứ, tài liệu xây dựng hồ sơ cũng như diễn biến phiên tòa Toà án nhân dân khu vực 11- Ninh Bình đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đoàn Thị H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 20/06/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị tuyên án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Đoàn Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã N, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 11- Ninh Bình. Tại phiên tòa các đương sự đều xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đoàn Thị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) cấp đăng ký kết hôn ngày 30/03/2009. Trong cuộc sống vợ chồng đã phát

sinh nhiều mâu thuẫn nên từ năm 2024 đến nay, hai người đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Nay anh T yêu cầu xin được ly hôn, chị H nhất trí. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đoàn Thị H có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 20/06/2010, hiện nay cháu đang ở với chị H. Sau khi ly hôn, các đương sự thống nhất thỏa thuận chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu L của chị H đảm bảo sự phát triển cho cháu. Bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với chị H. Do vậy, cần tiếp tục giao Liên cho chị H nuôi dưỡng. Do chị H không yêu cầu phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên về nghĩa vụ cấp dưỡng không đặt ra giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Anh T và chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đoàn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 20/06/2010 cho chị Đoàn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Nghĩa vụ bàn giao con: Do cháu L đang do chị H nuôi dưỡng nên hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ bàn giao con chung cho nhau.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000362 ngày 20/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Anh T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 11 – Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- THA dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Nghĩa Hưng;
- UBND xã Trà Tân;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Vũ Văn Ái**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Mùi** **Lưu Văn Đê** **Vũ Văn Ái**